

Bản án số: 06/2019/KDTM-ST
Ngày: 09 - 10 - 2019
V/v: “*Tranh chấp kinh doanh
thương mại về Hợp đồng mua bán*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH A**

n

h phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn H

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn H
2. Ông Phạm Quốc H

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Huỳnh H - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: bà Phan Thị Dáng H - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2019/TLST-KDTM ngày 06/6/2019 về việc “*Tranh chấp kinh doanh thương mại - Hợp đồng mua bán*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 213/2019/QĐXX-KDTM ngày 29/8/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 152/QĐST-KDTM ngày 19/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ M.

Địa chỉ: số 693/10, tỉnh lộ 943, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh A.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Thanh T, sinh năm 1961 Chức vụ: Giám đốc Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn P, sinh năm 1954. Chức vụ: Trợ giúp pháp lý công ty.

Địa chỉ: số 64, đường Đ, phường M, thành phố L, tỉnh A. (Có mặt).

(Giấy ủy quyền số 01/UQ.19, ngày 01/01/2019).

2. Bị đơn: ông Khuru Huỳnh K, sinh năm 1970 - Chủ doanh nghiệp tư nhân Huỳnh K.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A . (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 28/5/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M (do ông Lê Văn P, đại diện) trình bày: từ năm 2013, ông Khuru Huỳnh K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H có hợp đồng mua bán xăng dầu với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M. Hai bên ký các hợp đồng “Nhượng quyền bán lẻ xăng dầu”, cụ thể như sau: Hợp đồng số 13/NQBL/MH - 2016 - 2017 ngày 01/01/2016 và hợp đồng số 13/2018/NQBL - MH ngày 31/12/2017. Theo đó, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M có bán cho ông Khuru Huỳnh K mặt hàng xăng dầu các loại gồm: xăng RON 95II, xăng RON92-II, xăng E5 RON 92-II, dầu Do 0,05%S. Ông Khuru Huỳnh K mua các mặt hàng nêu trên để bán lại cho khách hàng.

Hình thức mua bán là bên mua đặt hàng qua điện thoại, bên bán chuyển giao hàng cho bên mua theo đúng chủng loại, số lượng và đơn giá. Sau khi nhận hàng, bên mua chuyển tiền vào tài khoản của bên bán. Quá trình mua bán, giữa Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M với ông Khuru Huỳnh K có đối chiếu công nợ từng lần. Đến ngày 30/6/2017, ông Khuru Huỳnh K xác nhận còn nợ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M số tiền 922.109.250 đồng. Sau đó, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M tiếp tục bán các mặt hàng xăng dầu cho ông Khuru Huỳnh K nhiều lần với tổng số tiền mua hàng là 965.540.000 đồng. Như vậy, nợ cũ 922.109.250 đồng + nợ mới phát sinh 965.540.000 đồng = 1.887.649.250 đồng. Ông K có trả 02 lần tổng số tiền đã trả là 1.117.193.430 đồng (trả ngày 06/02/2018 là 677.000.000 đồng; trả ngày 31/5/2018 là 440.193.430 đồng). Tính đến nay, ông Khuru Huỳnh K còn nợ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M tổng số tiền gốc 770.455.820 đồng.

Do ông Khuru Huỳnh K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền nên Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M ngừng cung cấp các mặt hàng xăng dầu cho ông K. Công ty nhiều lần cử nhân viên đến gặp ông K yêu cầu trả tiền nhưng ông K hứa hẹn mà không thực hiện. Nay Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M yêu cầu ông Khuru Huỳnh K phải trả cho Công ty số tiền gốc là 770.455.820 đồng, cùng với lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 31/5/2018 đến ngày xét xử.

Bị đơn ông Khuru Huỳnh K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H trình bày tại phiên tòa: từ năm 2013, ông Khuru Huỳnh K có hợp đồng mua bán xăng dầu với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M. Hai bên ký các hợp đồng “Nhượng quyền bán lẻ xăng dầu”, cụ thể như sau: Hợp đồng số 13/NQBL/MH - 2016 - 2017 ngày 01/01/2016 và hợp đồng số 13/2018/NQBL - MH ngày 31/12/2017. Theo đó, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M có bán cho ông Khuru Huỳnh K mặt hàng xăng dầu các loại gồm: xăng RON 95II, xăng RON92-II, xăng E5 RON 92-II, dầu Do 0,05%S. Quá trình mua bán, ông K có trả tiền và cũng có nợ lại. Đến ngày 30/6/2017, ông K ký xác nhận còn nợ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M số tiền 922.109.250 đồng. Sau đó, ông K tiếp tục mua nhiều lần với tổng số tiền mua hàng là 965.540.000 đồng + nợ cũ 922.109.250 đồng =

1.887.649.250 đồng. Ông K có trả 02 lần là 1.117.193.430 đồng (trả ngày 06/02/2018 là 677.000.000 đồng; trả ngày 31/5/2018 là 440.193.430 đồng). Tại phiên tòa, ông K thừa nhận còn nợ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M số tiền gốc 770.455.820 đồng và lãi suất chậm trả nhưng đến giai đoạn thi hành án sẽ thỏa thuận với nguyên đơn về phương thức trả nợ.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của các đương sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết; tiến hành thu thập chứng cứ, tổ chức hòa giải, thực hiện tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định pháp luật. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 24, 50 và 306 của Luật Thương mại:

+ Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn, cụ thể: ông Khuru Huỳnh K có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M số tiền gốc là 770.455.820 đồng và lãi suất chậm thanh toán tính từ ngày 31/5/2018 cho đến ngày xét xử (09/10/2019) là 152.735.162 đồng.

+ Ông Khuru Huỳnh K nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp kinh doanh thương mại, theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn ông Khuru Huỳnh K có đăng ký thường trú tại ấp T, xã V, huyện T, tỉnh A nên Tòa án nhân dân huyện T thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M khởi kiện yêu cầu ông Khuru Huỳnh K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 770.455.820 đồng và lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 31/5/2018 đến khi xét xử.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông Khuru Huỳnh K đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời đối chiếu các khoản nợ nhưng

ông Khuru Huỳnh K đều vắng mặt, không lý do. Ông K cũng không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số nợ gốc và lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu.

[4] Tại phiên tòa, bị đơn ông Khuru Huỳnh K thừa nhận còn nợ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M số tiền gốc 770.455.820 đồng và lãi suất chậm thanh toán nhưng phương thức trả sẽ thỏa thuận với nguyên đơn ở giai đoạn thi hành án. Đại diện nguyên đơn đồng ý theo phương thức trả của bị đơn.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, ông Khuru Huỳnh K là Chủ Doanh nghiệp tư nhân H có hợp đồng mua bán xăng dầu với Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M. Hai bên ký các hợp đồng “Nhượng quyền bán lẻ xăng dầu”, cụ thể: Hợp đồng số 13/NQBL/MH - 2016 - 2017 ngày 01/01/2016 và Hợp đồng số 13/2018/NQBL-MH ngày 31/12/2017. Theo đó, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M có bán cho ông Khuru Huỳnh K mặt hàng xăng dầu các loại gồm: xăng RON 95II, xăng RON92-II, xăng E5 RON 92-II, dầu Do 0,05%S. Quá trình mua bán, các bên có đối chiếu công nợ từng lần. Đến ngày 30/6/2017, ông Khuru Huỳnh K ký xác nhận còn nợ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M số tiền 922.109.250 đồng (bút lục số 50). Sau đó, Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M tiếp tục bán các mặt hàng xăng dầu cho ông Khuru Huỳnh K nhiều lần với tổng số tiền mua hàng là 965.540.000 đồng. Như vậy, tổng 02 khoản nợ (nợ cũ 922.109.250 đồng + nợ mới phát sinh 965.540.000 đồng) là 1.887.649.250 đồng. Ngày 06/02/2018 ông K trả 677.000.000 đồng (bút lục số 51); ngày 31/5/2018 trả 440.193.430 đồng (bút lục số 52). Do đó, ông Khuru Huỳnh K còn nợ Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M tổng số tiền 770.455.820 đồng.

[6] Xét, Hợp đồng mua bán xăng dầu giữa Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M với ông Khuru Huỳnh K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H được giao kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý. Do ông K vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M yêu cầu ông K có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 770.455.820 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Ngoài ra, Công ty yêu cầu ông K trả tiền lãi trên số tiền chậm trả với mức lãi suất nợ quá hạn kể từ ngày chậm trả là ngày 31/5/2018 đến khi xét xử. Tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005 quy định: *“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*. Xét thấy, lãi suất nợ quá hạn trung bình của các Ngân hàng (Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện T, Ngân hàng TMCP Kiên Long - Phòng giao dịch T và Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh A) tại thời điểm thanh toán tương đương 14,873%/năm (1,239%/tháng). Như vậy, nguyên đơn

yêu cầu tính lãi suất nợ quá hạn là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì vậy, tiền lãi tính từ ngày 31/8/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 09/10/2019) là 16 tháng 09 ngày. Đại diện nguyên đơn tự nguyện giảm ngày tính lãi còn 16 tháng. Xét thấy, việc giảm số ngày tính lãi này là sự tự nguyện của nguyên đơn và phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Như vậy, tiền lãi được tính như sau:

Số tiền gốc: $(770.455.820 \text{ đồng} \times 1,239\%) \times 16 \text{ tháng} = 152.735.162 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền gốc và lãi là: $770.455.820 \text{ đồng} + 152.735.162 \text{ đồng} = 923.190.982 \text{ đồng}$.

[8] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn thống nhất nợ và phương thức trả, cụ thể: bị đơn ông Khuru Huỳnh K có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M số tiền gốc và lãi là 923.190.982 đồng, thời gian và phương thức thanh toán số tiền 923.190.982 đồng được thực hiện theo Luật thi hành án dân sự, khi bản án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy, sự thỏa thuận này là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: do ông Khuru Huỳnh K bị buộc trả số tiền nêu trên, nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Công ty TNHH Thương mại - Dịch vụ M không phải chịu án phí nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 24, Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau: ông Khuru Huỳnh K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H có trách nhiệm trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ M số tiền gốc và lãi là 923.190.982 đồng (trong đó tiền gốc 770.455.820 đồng; tiền lãi tính đến ngày 09/10/2019 là 152.735.162 đồng). Thời gian và phương thức thanh toán số tiền gốc và lãi 923.190.982 đồng (chín trăm hai mươi ba triệu, một trăm chín mươi nghìn, chín trăm tám mươi hai đồng) được thực hiện theo Luật thi hành án dân sự, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Ông Khuru Huỳnh K - Chủ Doanh nghiệp tư nhân H chịu 39.695.729 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm (ba mươi chín triệu, sáu trăm chín mươi lăm nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng).

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại - Dịch vụ M được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 17.409.116 đồng (mười bảy triệu, bốn trăm lẻ chín nghìn, một trăm mười sáu đồng), đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000239, ngày 06 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh A .

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh A;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự (Để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn H